

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2017
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	5 - 41
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nicotex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nicotex tiền thân là xí nghiệp thuốc trừ sâu Nicotex được thành lập ngày 13 tháng 10 năm 1990. Công ty được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 41/2003/QĐ-BQP ngày 28 tháng 4 năm 2003 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101406944 ngày 09 tháng 6 năm 2003 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty và công ty con trong năm hiện tại là: Sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, kinh doanh bất động sản, xây lắp, truyền thông.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Thành Nam	Chủ tịch
Ông Đỗ Đình Niềm	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Dương	Ủy viên
Ông Cán Đặng Hiền	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Nga	Ủy viên
Ông Trần Văn Hưng	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Minh	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Thành Nam	Tổng Giám đốc
Ông Hà Văn Trờ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Đình Niềm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Đức Thuyền	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh hợp nhất liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2017



Nguyễn Thành Nam

Số : 339./2017/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nicotex, được lập ngày 07 tháng 12 năm 2017, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nicotex tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



Bùi Thị Ngọc Lan

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

Kiểm toán viên



Trần Thị Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2014-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		390.613.740.441	240.636.103.580
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		26.121.857.678	37.790.871.167
1.	Tiền	111	V.01	26.121.857.678	24.850.871.167
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	12.940.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	5.000.000.000	5.000.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	5.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.127.500.141	56.843.810.223
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	53.458.333.958	44.327.341.446
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.489.611.914	3.609.812.593
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	980.850.012	669.231.362
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	7.685.889.898	9.132.009.667
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(637.394.302)	(979.077.245)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		150.208.661	84.492.400
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	275.996.100.213	134.793.231.874
1.	Hàng tồn kho	141		285.939.092.991	142.267.754.714
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(9.942.992.778)	(7.474.522.840)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		20.368.282.409	6.208.190.316
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	653.938.505	436.269.974
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.580.045.956	5.633.446.727
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	134.297.948	138.473.615
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		191.094.910.132	175.560.327.173
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		4.575.872.000	2.561.038.325
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	216	V.04	2.237.210.000	200.000.000
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	2.338.662.000	2.361.038.325
II.	Tài sản cố định	220		115.850.889.669	102.892.058.179
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	113.494.170.631	100.047.274.046
	- Nguyên giá	222		187.881.441.313	163.572.866.366
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(74.387.270.682)	(63.525.592.320)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	2.356.719.038	2.844.784.133
	- Nguyên giá	228		10.741.704.968	10.978.251.888
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(8.384.985.930)	(8.133.467.755)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	5.565.277.709	14.158.395.412
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.565.277.709	14.158.395.412
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		65.102.870.754	55.948.835.257
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	62.341.420.165	54.092.344.348
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	2.761.450.589	1.856.490.909
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		581.708.650.573	416.196.430.753

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		366.646.851.993	239.479.063.567
I.	Nợ ngắn hạn	310		341.520.275.496	210.952.522.615
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	192.882.586.867	112.065.412.504
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.213.921.983	1.741.522.129
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	14.300.578.090	10.364.550.873
4.	Phải trả người lao động	314		15.764.599.348	9.946.057.619
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	32.090.461.353	18.580.008.203
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	9.689.097.361	9.480.010.670
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	65.972.883.081	45.859.889.882
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.606.147.413	2.915.070.735
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		25.126.576.497	28.526.540.952
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	6.222.543.000	6.280.464.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	13.150.320.725	16.409.074.316
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.17	753.712.772	837.002.636
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		5.000.000.000	5.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		215.061.798.580	176.717.367.186
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	215.061.798.580	176.717.367.186
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		63.707.090.000	63.707.090.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		63.707.090.000	63.707.090.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		749.216.895	353.081.617
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		32.137.613.933	28.402.470.932
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		71.498.257.676	40.649.864.552
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		17.374.309.347	16.361.096.478
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		54.123.948.329	24.288.768.074
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		46.969.620.076	43.604.860.085
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		581.708.650.573	416.196.430.753

Người lập biểu



Phạm Hữu Danh

Kế toán trưởng



Trịnh Đức Thuyền

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2017



Tổng Giám đốc


Nguyễn Thành Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Từ ngày 01 tháng 10 năm 2016 đến ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	800.121.535.748	644.700.741.588
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	1.365.724.597	1.138.576.479
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		798.755.811.151	643.562.165.109
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	574.642.476.704	463.037.835.945
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		224.113.334.447	180.524.329.164
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	3.086.972.101	3.246.675.675
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	11.232.750.477	12.165.332.537
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.171.180.820	10.793.014.715
8.	Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	67.260.662.179	65.046.335.644
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	70.977.549.589	71.508.929.849
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		77.729.344.303	35.050.406.809
12.	Thu nhập khác	31	VI.06	796.608.161	5.001.585.754
13.	Chi phí khác	32	VI.07	503.649.291	538.063.082
14.	Lợi nhuận khác	40		292.958.870	4.463.522.672
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		78.022.303.173	39.513.929.481
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	17.919.511.341	11.276.759.428
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	(988.249.544)	(579.483.042)
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		61.091.041.376	28.816.653.095
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		53.957.992.125	24.288.768.074
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		7.133.049.251	4.527.885.021
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	7.427	3.096
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	7.427	3.096

Người lập biểu



Phạm Hữu Danh

Kế toán trưởng



Trịnh Đức Thuyền

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2016 đến ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh hợp nhất				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		814.237.348.269	647.229.335.362
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(673.701.327.465)	(480.869.580.659)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(58.209.902.109)	(42.549.605.002)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(6.719.074.001)	(11.887.239.953)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(14.429.132.600)	(9.077.661.793)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh hợp nhất	06		23.700.660.935	49.438.740.278
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh hợp nhất	07		(80.190.138.996)	(95.364.706.410)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.688.434.033	56.919.281.823
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(18.429.346.377)	(9.932.097.422)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		329.090.909	864.545.456
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(48.051.618.650)	(2.154.539.883)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		45.702.790.000	6.715.390.501
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.452.587.038	1.801.708.534
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.996.497.080)	(2.704.992.814)

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	536.720.000
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		418.563.692.409	486.462.888.573
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(401.709.452.801)	(532.708.088.161)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.869.031.362)	(12.635.962.108)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		985.208.246	(58.344.441.696)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(12.322.854.801)	(4.130.152.687)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		37.790.871.166	41.768.588.251
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		653.841.313	152.435.603
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		26.121.857.678	37.790.871.167

Người lập biểu



Phạm Hữu Danh

Kế toán trưởng



Trịnh Đức Thuyên

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2017**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty và công ty con trong năm hiện tại là: Sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, kinh doanh bất động sản, xây lắp, truyền thông...

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty có 16 Công ty con được hợp nhất.

- Danh sách Công ty con gồm:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối kỳ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</u>	
			<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Công ty TNHH Nicotex Cambodia	No 16 Taphrum Prek Eng Chbar Ompov Phnom Penh Cambodia	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Hóa (*)	Khu 11, phường Bắc Sơn, Thị Xã Bắc Sơn, tỉnh Thanh Hoá	86,84%	88,27%	88,27%
Công ty Cổ phần Nicotex Đông Thái	KCN Tiên Hải, xã Đông Cơ, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình	83,99%	84,68%	84,68%
Công ty TNHH truyền thông Nicotex Việt Nam	Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	56,60%	56,60%	56,60%
Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Thái	Khu Z4- xã Cẩm Vân- huyện Cẩm Thủy- tỉnh Thanh Hóa	64,25%	64,25%	64,25%
Công ty Cổ phần chuyên giao tiến bộ Kỹ thuật nông nghiệp Nicotex	Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	51,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEXSố 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối kỳ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Nicotex đầu tư và Kinh doanh bất động sản	Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	53,71%	53,71%	53,71%
Công ty Cổ phần Nicotex Đà Nẵng (*)	Xuân Thiều, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	72,03%	81,04%	81,04%
Công ty Cổ phần Nicotex Nam Thái Dương	Lô N 6, Đường D4, KCN Nam Tân Uyên, Xã Khánh Bình, Huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	88,11%	88,59%	88,59%
Công ty Cổ phần Nicotex Tiền Giang (*)	Lô M1, Đường số 3, Cụm công nghiệp Lợi Bình Nhơn, Xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An, tỉnh Long An	73,03%	78,30%	78,30%
Công ty Cổ phần Nicotex Hà Nội (*)	Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	48,74%	61,88%	61,88%
Công ty Cổ phần Nicotex Gia lai (*)	136 Ngô Quyền, TP. PleiKu, Gia Lai	80,82%	84,81%	84,81%
Công ty Cổ phần Nicotex Bình Dương (*)	Số 01 Tổ 11A, KP Bình Đức 3, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương	68,57%	76,57%	76,57%
Công ty Cổ phần Nicotex Thái Bình (*)	Số 01, Trần Thái Tông, tổ 42, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	57,06%	72,74%	72,74%
Công ty Cổ phần Nicotex Cần Thơ (*)	Lô 30A3-4-KCN Trà Nóc 1 - ĐLHP - Q. Bình Thủy - TP. Cần Thơ	70,46%	80,96%	80,96%
Công ty Cổ phần Nicotex Đắk Lắk (*)	Số 68 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	46,16%	51,00%	51,00%

(*): Tỷ lệ lợi ích khác với quyền biểu quyết theo cam kết giữa cổ đông Công ty con và Công ty thì phần vốn góp vào Công ty con bằng thương hiệu sẽ loại ra khỏi tỷ lệ vốn góp khi phân chia lợi nhuận tại công ty con trong vòng 10 năm kể từ năm góp vốn.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm sau.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Phương pháp chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam, kế toán phải quy đổi các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm do Ngân hàng công bố;
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác, quyền chọn chuyển đổi trái phiếu) được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ ra Việt Nam Đồng được ghi nhận trên chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" – Mã số 417 thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán.

02. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính.

03. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

04. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng.

05. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

06. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

07. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

08. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Nhãn hiệu hàng hoá	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

09. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài

liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ ra Việt Nam Đồng.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

16. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

17. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

20. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

b. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu kỳ cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong năm.

Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty con chia lợi nhuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	5.062.635.917	4.505.245.393
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.059.221.761	19.132.614.640
- Tiền đang chuyển	-	1.213.011.134
Cộng	<u>26.121.857.678</u>	<u>24.850.871.167</u>

02. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	<u>5.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>

03. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	53.458.333.958	44.327.341.446
- Khách hàng tại Công ty CP Nicotex Cần Thơ	8.365.840.219	9.024.975.451
- Khách hàng tại Công ty CP Nicotex Đắk Lắk	10.338.671.679	15.504.807.056
- Khách hàng tại Công ty CP Nicotex Thanh Hoá	3.552.180.773	5.470.125.791
- Khách hàng tại Công ty CP Nicotex Tiền Giang	6.318.372.447	5.724.038.374
- Khách hàng tại Công ty CP Nicotex Thái Bình	10.124.416.423	3.164.934.521
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	14.758.852.417	5.438.460.253
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	<u>53.458.333.958</u>	<u>44.327.341.446</u>

04. Phải thu về cho vay

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn	980.850.012	-	669.231.362	-
- Cho bà Bùi Thị Nga vay	-	-	350.000.000	-
- Cho ông Bùi Ngọc Hậu vay	637.000.000	-	-	-
- Cho các đối tượng khác vay	343.850.012	-	319.231.362	-
b. Phải thu về cho vay dài hạn	2.237.210.000	-	200.000.000	-
- Cho ông Vũ Đình Sơn vay	200.000.000	-	200.000.000	-
- Cho bà Bùi Thị Nga vay	350.000.000	-	-	-
- Cho ông Trần Thanh Tùng vay	190.000.000	-	-	-
- Cho ông Lay Saly vay	1.497.210.000	-	-	-
Cộng	<u>3.218.060.012</u>	<u>-</u>	<u>869.231.362</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	7.685.889.898	-	9.132.009.667	-
- Phải thu của người lao động	-	-	32.380.174	-
- Tạm ứng	2.446.358.575	-	3.396.640.039	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	230.878.425	-	128.080.000	-
- Phải thu khác	5.008.652.898	-	5.574.909.454	-
+ <i>Lãi dự thu về cho vay</i>	<i>32.500.000</i>	-	<i>32.500.000</i>	-
+ <i>Phải thu các đối tượng khác</i>	<i>4.976.152.898</i>	-	<i>5.542.409.454</i>	-
b. Dài hạn	2.338.662.000	-	2.361.038.325	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	22.376.325	-
- Phải thu khác	2.338.662.000	-	2.338.662.000	-
+ <i>Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Vinare</i>	<i>2.338.662.000</i>	-	<i>2.338.662.000</i>	-
Cộng	10.024.551.898	-	11.493.047.992	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX
Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	701.080.000	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	101.406.782.457	(3.485.076.010)	65.000.093.005	(5.199.617.066)
- Công cụ, dụng cụ	73.263.562	-	131.145.314	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	278.468.061	-	530.105.804	-
- Thành phẩm	144.328.185.028	(6.457.916.768)	41.758.462.519	(2.135.961.305)
- Hàng hoá	35.308.159.559	-	19.821.938.251	(138.944.469)
- Hàng gửi đi bán	3.843.154.324	-	15.026.009.821	-
Cộng	285.939.092.991	(9.942.992.778)	142.267.754.714	(7.474.522.840)

07. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Xây dựng khu 3 ha tại Đông Thái	-	9.926.558.612
- Chi phí nâng cấp phần mềm	997.289.600	712.350.000
- Nhà máy sản xuất phân bón tại Đắk Lắk	1.102.700.909	-
- Công trình xây dựng cơ bản khác	3.465.287.200	3.519.486.800
Cộng	5.565.277.709	14.158.395.412

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEXSố 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm		99.447.967.723	21.405.581.255	39.851.019.293	2.868.298.095	163.572.866.366
- Mua trong năm		-	9.524.092.416	2.861.608.179	558.500.909	12.944.201.504
- Đầu tư XDCB hoàn thành		13.419.942.242	-	-	-	13.419.942.242
- Tăng khác		-	-	-	-	-
- Phân loại lại		-	146.960.084	(146.960.084)	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	(62.500.000)	(1.333.916.784)	-	(1.396.416.784)
- Giảm khác		-	(395.000.000)	-	(264.152.015)	(659.152.015)
Số dư cuối năm		112.867.909.965	30.619.133.755	41.231.750.604	3.162.646.989	187.881.441.313
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		31.839.684.437	6.773.268.175	22.636.409.823	2.276.229.885	63.525.592.320
- Khấu hao trong năm		5.427.784.361	2.508.031.887	4.229.748.557	333.665.938	12.499.230.743
- Tăng khác		-	-	-	-	-
- Phân loại lại		-	158.793.676	(32.170.188)	(126.623.488)	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	(12.250.000)	(1.210.642.042)	-	(1.222.892.042)
- Giảm khác		-	(150.508.324)	-	(264.152.015)	(414.660.339)
Số dư cuối năm		37.267.468.798	9.277.335.414	25.623.346.150	2.219.120.320	74.387.270.682
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm		67.608.283.286	14.632.313.080	17.214.609.470	592.068.210	100.047.274.046
2. Tại ngày cuối năm		75.600.441.167	21.341.798.341	15.608.404.454	943.526.669	113.494.170.631

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 8.796.248.819 đồng.

Nguyên giá và giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thuê chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng lần lượt là 19.041.134.916 đồng và 11.784.866.372 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.674.060.395	8.180.129.493	124.062.000	-	10.978.251.888
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	(236.546.920)	-	-	-	(236.546.920)
Số dư cuối năm	2.437.513.475	8.180.129.493	124.062.000	-	10.741.704.968
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	444.116.056	7.582.889.708	106.461.991	-	8.133.467.755
- Khấu hao trong năm	75.335.412	295.793.380	6.399.996	-	377.528.788
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	(126.010.613)	-	-	-	(126.010.613)
Số dư cuối năm	393.440.855	7.878.683.088	112.861.987	-	8.384.985.930
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	2.229.944.339	597.239.785	17.600.009	-	2.844.784.133
2. Tại ngày cuối năm	2.044.072.620	301.446.405	11.200.013	-	2.356.719.038

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	653.938.505	436.269.974
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	115.490.000
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	167.742.692	257.519.258
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	167.913.921	-
- Các khoản khác	318.281.892	63.260.716
b. Dài hạn	62.341.420.165	54.092.344.348
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.306.153.052	1.359.632.357
- Chi phí sử dụng đất, tiền thuê đất (*)	54.063.142.793	51.118.003.641
- Chi phí san lấp mặt bằng và chi phí khác liên quan lô đất 3hs tại Đông Thái	5.560.565.703	-
- Các khoản khác	1.411.558.617	1.614.708.350
Cộng	62.995.358.670	54.528.614.322

(*) Trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Tiền thuê đất trả trước 16 năm tại Nicotex Đông Thái	3.481.498.307	-
- Tiền thuê đất trả trước tại Nicotex Nam Thái Dương	43.916.502.174	44.301.834.742
- Tiền thuê đất trả trước tại Nicotex Tiền Giang	2.759.183.668	2.824.489.792
- Tiền thuê đất trả trước tại Nicotex Bình Dương	2.440.351.721	2.500.237.649
- Tiền thuê đất trả trước tại Nicotex Đắk Lắk	1.465.606.923	1.491.441.458
Cộng	54.063.142.793	51.118.003.641

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.856.490.909	1.394.036.117
Tăng trong năm	2.761.450.589	1.856.490.909
Giảm trong năm	1.856.490.909	1.394.036.117
Số cuối năm	2.761.450.589	1.856.490.909

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	45.859.889.882	45.859.889.882	420.532.574.221	400.419.581.022	65.972.883.081	65.972.883.081
- Vay ngân hàng	34.069.485.277	34.069.485.277	400.505.531.269	384.321.105.978	50.253.910.568	50.253.910.568
+ Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam ^(a)	-	-	4.996.095.790	1.022.940.000	3.973.155.790	3.973.155.790
+ Ngân hàng TMCP Quân đội ^(b)	20.424.124.277	20.424.124.277	163.450.513.256	170.618.201.021	13.256.436.512	13.256.436.512
+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	-	41.062.057.425	41.062.057.425	-	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ^(c)	13.645.361.000	13.645.361.000	190.996.864.798	171.617.907.532	33.024.318.266	33.024.318.266
- Vay đối tượng khác	7.737.803.223	7.737.803.223	13.713.026.740	9.813.323.550	11.637.506.413	11.637.506.413
+ Quý Tâm Vàng ^(d)	340.853.800	340.853.800	998.609.430	461.695.027	877.768.203	877.768.203
+ Ông Nguyễn Thành Nam ^(d)	2.288.747.350	2.288.747.350	24.261.716	2.313.009.066	-	-
+ Ông Phan Văn Khải ^(d)	2.241.248.927	2.241.248.927	513.023.800	60.922.582	2.693.350.145	2.693.350.145
+ Ông Nguyễn Hoàng Bá ^(d)	1.600.501.960	1.600.501.960	106.745.800	-	1.707.247.760	1.707.247.760
+ Các đối tượng khác	1.266.451.186	1.266.451.186	12.070.385.994	6.977.696.875	6.359.140.305	6.359.140.305
- Vay dài hạn đến hạn trả	4.052.601.382	4.052.601.382	6.314.016.212	6.285.151.494	4.081.466.100	4.081.466.100
+ Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam	256.000.000	256.000.000	-	256.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội ^(e)	3.287.160.000	3.287.160.000	5.961.106.212	5.519.710.112	3.728.556.100	3.728.556.100
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	255.841.382	255.841.382	-	255.841.382	-	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ^(f)	160.000.000	160.000.000	259.310.000	160.000.000	259.310.000	259.310.000
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ^(g)	93.600.000	93.600.000	93.600.000	93.600.000	93.600.000	93.600.000
b. Vay dài hạn	16.409.074.316	16.409.074.316	4.345.134.400	7.603.887.991	13.150.320.725	13.150.320.725
- Vay dài hạn ngân hàng	16.409.074.316	16.409.074.316	4.345.134.400	7.603.887.991	13.150.320.725	13.150.320.725
+ Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam	451.224.054	451.224.054	-	451.224.054	-	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	15.460.850.262	15.460.850.262	3.048.584.400	6.499.753.937	12.009.680.725	12.009.680.725
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	300.000.000	300.000.000	1.296.550.000	559.310.000	1.037.240.000	1.037.240.000
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	197.000.000	197.000.000	-	93.600.000	103.400.000	103.400.000
Cộng	62.268.964.198	62.268.964.198	424.877.708.621	408.023.469.013	79.123.203.806	79.123.203.806

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Thông tin khoản vay ngắn hạn**

(a) Khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoàn Kiếm theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2016/5639199/HĐTD ngày 16 tháng 9 năm 2016 để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, lãi suất 5,8%/ năm. Tài sản đảm bảo là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng trị giá 5.000.000.000 đồng.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội để bổ sung vốn lưu động, lãi suất là 9%/ năm, thời hạn vay tối đa không quá 6 tháng.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động, lãi suất là 9%/ năm, thời hạn vay tối đa không quá 6 tháng.

(d) Là các khoản vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động của Công ty, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất vay là 6% - 7%/ năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

Đơn vị tính: VND

13. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
- Eastchem Co., LTD	192.882.586.867	192.882.586.867	112.065.412.504	112.065.412.504
- Guangxi Dong Fang Hong Business Co, LTD	112.545.649.059	112.545.649.059	72.535.043.200	72.535.043.200
- HONBOR INDUSTRIAL CO.LTD	8.342.443.572	8.342.443.572	10.405.118.387	10.405.118.387
- Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ	36.306.752.000	36.306.752.000	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	19.856.827.041	19.856.827.041	19.856.827.041	19.856.827.041
	15.830.915.195	15.830.915.195	9.268.423.876	9.268.423.876
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	192.882.586.867	192.882.586.867	112.065.412.504	112.065.412.504

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	132.513.828	634.065.089	30.806.525.024	29.913.562.026	132.513.828	1.527.028.087
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	302.217.000	302.217.000	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	424.172.815	424.172.815	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.929.949.685	17.919.511.341	14.429.132.600	-	11.420.328.426
- Thuế thu nhập cá nhân	5.209.467	1.334.359.653	1.669.881.296	2.303.919.137	1.784.120	696.896.466
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	89.433.069	315.261.676	321.253.123	-	83.441.622
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	750.320	362.839.578	435.552.439	224.758.208	-	572.883.489
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13.903.799	139.560.904	153.464.703	-	-
Cộng	138.473.615	10.364.550.873	52.012.682.495	48.072.479.612	134.297.948	14.300.578.090

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Chi phí phải trả ngắn hạn	32.090.461.353	18.580.008.203
- Chi phí lãi vay	452.106.819	-
- Chiết khấu phải trả các đại lý	21.339.012.422	10.072.246.521
- Quỹ khuyến khích tăng doanh thu	979.442.290	979.442.290
- Xử lý môi trường Công ty Thanh Thái	2.336.987.037	2.336.987.037
- Các khoản trích trước khác	6.982.912.785	5.191.332.355
b. Chi phí phải trả dài hạn	-	-
Cộng	32.090.461.353	18.580.008.203

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	9.689.097.361	9.480.010.670
- Tài sản thừa chờ giải quyết	96.597.722	14.470.237
- Kinh phí công đoàn	44.773.617	25.284.615
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	268.305.102	680.840.176
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.232.420.920	8.759.415.642
b. Dài hạn	6.222.543.000	6.280.464.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.222.543.000	6.280.464.000
Cộng	15.911.640.361	15.760.474.670

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	837.002.636	954.030.886
Tăng trong năm	17.082.954	-
Giảm trong năm	100.372.818	117.028.250
Số cuối năm	753.712.772	837.002.636

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEXSố 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	63.707.090.000	224.250.000	25.743.644.147	33.584.963.179	41.868.685.958	165.128.633.284
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	536.720.000	536.720.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	24.288.768.074	4.527.885.021	28.816.653.095
Phân phối lợi nhuận trong năm trước tại Công ty mẹ	-	-	1.660.140.618	(17.985.839.858)	-	(16.325.699.240)
Phân phối lợi nhuận trong năm trước tại Công ty con	-	-	922.777.026	(2.056.223.963)	(1.033.413.718)	(2.166.860.655)
Tăng/giảm khác	-	128.831.617	75.909.141	2.818.197.120	(2.295.017.176)	727.920.702
Số dư cuối năm trước	63.707.090.000	353.081.617	28.402.470.932	40.649.864.552	43.604.860.085	176.717.367.186
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	53.957.992.125	7.133.049.251	61.091.041.376
Phân phối lợi nhuận trong năm nay tại Công ty mẹ	-	-	2.284.107.406	(19.857.640.519)	-	(17.573.533.113)
Phân phối lợi nhuận trong năm nay tại Công ty con	-	-	1.699.271.429	(3.500.194.316)	(3.768.289.260)	(5.569.212.147)
Tăng/giảm khác	-	396.135.278	-	-	-	396.135.278
Số dư cuối năm nay	63.707.090.000	749.216.895	32.385.849.767	71.250.021.842	46.969.620.076	215.061.798.580

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEXSố 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chi tiết phân phối lợi nhuận trong năm tại Công ty mẹ:**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	2.284.107.406
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	4.568.214.813
Trích cổ tức chi trả	12.741.318.300
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	264.000.000
Cộng	19.857.640.519

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trường Đức Thịnh	11.837.920.000	18,58	11.837.920.000	18,58
+ Ông Nguyễn Thành Nam	15.000.220.000	23,55	15.000.220.000	23,55
+ Các đối tượng khác	36.868.950.000	57,87	36.868.950.000	57,87
Cộng	63.707.090.000	100	63.707.090.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	63.707.090.000	63.707.090.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	63.707.090.000	63.707.090.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.741.318.300	12.741.418.004

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.370.709	6.370.709
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.370.709	6.370.709
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.370.709	6.370.709
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.370.709	6.370.709
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.370.709	6.370.709
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	32.137.613.933	28.402.470.932
- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	37.137.613.933	33.402.470.932

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX
Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

a. Ngoại tệ các loại

- USD	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	229.489,06	19.544,20

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cộng	800.121.535.748	644.700.741.588
	<u>800.121.535.748</u>	<u>644.700.741.588</u>

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	1.203.897.453	1.122.862.198
- Hàng bán bị trả lại	161.827.144	15.714.281
Cộng	<u>1.365.724.597</u>	<u>1.138.576.479</u>

03. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	570.752.504.140	461.502.160.620
Giá trị hàng tồn kho hủy trong năm	1.421.502.626	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.468.469.938	1.535.675.325
Cộng	<u>574.642.476.704</u>	<u>463.037.835.945</u>

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.335.789.649	1.587.625.534
- Lãi chênh lệch tỷ giá	751.182.452	1.659.050.141
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	<u>3.086.972.101</u>	<u>3.246.675.675</u>

05. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	7.171.180.820	10.793.014.715
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	28.145.000	16.900.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.033.424.657	1.350.992.461
- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính	-	4.425.361
Cộng	<u>11.232.750.477</u>	<u>12.165.332.537</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX
Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	139.931.620	225.773.899
- Thu nguyên liệu thừa	-	2.125.033.096
- Thu phạt	370.858.599	-
- Các khoản khác	497.454.306	2.650.778.759
Cộng	<u>1.008.244.525</u>	<u>5.001.585.754</u>

07. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lỗ thanh lý TSCĐ	-	-
- Tiền phạt	244.528.192	157.070.871
- Các khoản khác	470.757.463	380.992.211
Cộng	<u>715.285.655</u>	<u>538.063.082</u>

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	<u>70.977.549.589</u>	<u>71.508.929.849</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	43.780.597.013	36.010.772.856
- Chi phí vật liệu quản lý	433.287.005	906.957.671
- Chi phí đồ dùng văn phòng	417.996.718	231.311.054
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4.353.325.875	3.709.460.340
- Thuế, phí và lệ phí	654.601.940	-
- Chi phí dự phòng	258.120.858	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.014.606.467	3.225.739.038
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	17.065.013.713	27.424.688.890
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	<u>67.260.662.179</u>	<u>65.046.335.644</u>
- Chi phí nhân viên	22.327.269.914	19.898.439.506
- Chi phí vật liệu, bao bì	3.692.072.788	1.756.997.377
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.573.457.082	2.951.267.688
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.662.769.704	26.059.953.977
- Chi phí khác	18.005.092.691	14.379.677.096
Cộng	<u>138.238.211.768</u>	<u>136.555.265.493</u>

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	17.809.171.292	11.183.589.909
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	110.340.049	93.169.519
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>17.919.511.341</u>	<u>11.276.759.428</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEXSố 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	17.082.954	-
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.856.490.909	1.394.036.117
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(2.761.450.589)	(1.856.490.909)
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(100.372.818)	(117.028.250)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>(988.249.544)</u>	<u>(579.483.042)</u>

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	53.957.992.125	24.288.768.074
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	53.957.992.125	24.288.768.074
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.644.881.232	4.568.214.813
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.370.709	6.370.709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>7.427</u>	<u>3.096</u>

12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	53.957.992.125	24.288.768.074
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	53.957.992.125	24.288.768.074
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.644.881.232	4.568.214.813
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.370.709	6.370.709
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>7.427</u>	<u>3.096</u>

Đơn vị tính: VND

13. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	588.293.707.266	379.555.901.037
- Chi phí nhân công	78.758.449.222	54.911.343.255
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.361.856.343	12.715.678.134
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	138.975.373.581	70.779.997.075
- Chi phí khác	27.049.739.099	53.302.311.804
- Chi phí dự phòng	2.126.786.995	-
Cộng	<u>846.439.125.511</u>	<u>571.265.231.305</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 9 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Ông Nguyễn Thành Nam - Chủ tịch		
Vay tiền	24.261.716	3.997.538.431
Trả tiền vay	2.313.009.066	4.230.640.683
Lãi vay đã trả	18.439.365	612.964.139
Bà Nguyễn Thị Hồng Nga - Ủy Viên		
Vay tiền	445.059.800	293.469.677
Lãi vay đã trả	-	59.480.990
Ông Nguyễn Thanh Minh - Ủy Viên		
Vay tiền	362.799.788	568.869.618
Trả tiền vay	707.450.402	533.220.545
Lãi vay đã trả	-	49.003.613
Các cá nhân có liên quan		
Ông Nguyễn Thành Đạt - Là con trai Ông Nguyễn Thành Nam		
Vay tiền	46.310.600	49.320.789
Lãi vay đã trả	-	2.642.355
Bà Bùi Thị Thu Hà - Là vợ ông Nguyễn Thành Nam		
Vay tiền	-	857.826.981
Trả tiền vay	-	3.084.232.281
Lãi vay đã trả	-	894.500.497

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEXSố 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau: *Đơn vị tính: VND*

<i>Hội đồng quản trị</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Nguyễn Thành Nam - <i>Vay ngắn hạn</i>	-	2.288.747.350
Bà Nguyễn Thị Hồng Nga - <i>Vay ngắn hạn</i>	1.039.177.385	594.117.585
Ông Nguyễn Thanh Minh - <i>Vay ngắn hạn</i>	-	344.650.614
Các cá nhân có liên quan		
Ông Nguyễn Thành Đạt - <i>Vay ngắn hạn</i>	141.510.732	95.200.132
Cộng nợ phải trả	<u><u>1.180.688.117</u></u>	<u><u>3.322.715.681</u></u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	2.909.275.768	1.561.112.256
Cộng	<u><u>2.909.275.768</u></u>	<u><u>1.561.112.256</u></u>

03. Điều chỉnh hồi tố

Theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014:

- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được trừ khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Vì vậy, số liệu năm 2016 được điều chỉnh lại cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán				
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.275	3.096	(179)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	3.275	3.096	(179)

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau:

- Miền Bắc Việt Nam
- Miền Trung Việt Nam
- Miền Nam Việt Nam
- Nước Campuchia

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Miền Bắc Việt Nam	Miền Trung Việt Nam	Miền Nam Việt Nam	Campuchia	Đơn vị tính: VND
					Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	213.475.789.060	227.737.280.167	255.990.255.658	101.552.486.266	798.755.811.151
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	188.835.929.572	212.672.353.809	220.336.681.314	99.181.502.153	721.026.466.848
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	24.639.859.488	15.064.926.358	35.653.574.344	2.370.984.113	77.729.344.303
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	7.402.525.181	5.454.009.864	5.572.811.332	-	18.429.346.377
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.656.228.573	2.468.032.699	5.846.496.203	577.289.549	13.548.047.024
Số dư cuối năm					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	337.432.590.980	76.856.059.218	145.837.563.995	8.944.191.412	569.070.405.605
- Tài sản không phân bổ					12.638.244.968
Tổng tài sản	337.432.590.980	76.856.059.218	145.837.563.995	8.944.191.412	581.708.650.573
- Nợ phải trả bộ phận	282.197.948.292	32.276.028.652	37.225.545.816	6.829.531.735	358.529.054.495
- Nợ phải trả không phân bổ					8.117.797.498
Tổng nợ phải trả	282.197.948.292	32.276.028.652	37.225.545.816	6.829.531.735	366.646.851.993

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEXSố 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm trước	Miền Bắc Việt	Miền Trung	Miền Nam Việt	Campuchia	Đơn vị tính: VND
	Nam	Việt Nam	Nam		
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	199.778.798.142	178.882.797.703	202.486.982.797	62.413.586.467	643.562.165.109
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác					-
- Chi phí phân bổ	189.421.908.394	171.101.316.962	186.683.982.252	61.304.550.692	608.511.758.300
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	10.356.889.748	7.781.480.741	15.803.000.545	1.109.035.775	35.050.406.809
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	6.748.352.124	2.646.488.175	440.575.693	132.544.744	9.967.960.736
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.225.002.821	2.257.844.743	5.587.323.115	638.903.806	12.709.074.485
Số dư cuối năm trước					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	105.619.026.506	100.737.025.008	170.606.728.881	18.955.487.682	395.918.268.077
- Tài sản không phân bổ					20.278.162.676
Tổng tài sản	105.619.026.506	100.737.025.008	170.606.728.881	18.955.487.682	416.196.430.753
- Nợ phải trả bộ phận	56.302.344.150	64.333.618.941	94.801.497.336	17.017.583.420	232.455.043.847
- Nợ phải trả không phân bổ					7.024.019.720
Tổng nợ phải trả	56.302.344.150	64.333.618.941	94.801.497.336	17.017.583.420	239.479.063.567

Lĩnh vực kinh doanh:

Trên 90% doanh thu trong năm của Công ty là doanh thu bán thuốc bảo vệ thực vật.

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEXSố 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**06. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	192.882.586.867	-	-	192.882.586.867
Vay và nợ	65.972.883.081	13.150.320.725	-	79.123.203.806
Chi phí phải trả	32.090.461.353	-	-	32.090.461.353
Các khoản phải trả khác	9.232.420.920	9.232.420.920	-	18.464.841.840
Cộng	<u>300.178.352.221</u>	<u>22.382.741.645</u>	-	<u>322.561.093.866</u>
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	112.065.412.504	-	-	112.065.412.504
Vay và nợ	45.859.889.882	16.409.074.316	-	62.268.964.198
Chi phí phải trả	18.580.008.203	-	-	18.580.008.203
Các khoản phải trả khác	8.759.415.642	8.759.415.642	-	17.518.831.284
Cộng	<u>185.264.726.231</u>	<u>25.168.489.958</u>	-	<u>210.433.216.189</u>

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số nội dung được điều chỉnh hồi tố và trình bày lại cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể xem thuyết minh số VIII mục 3.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Phạm Hữu Danh

Kế toán trưởng



Trịnh Đức Thuyền

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Nam